TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

Số: 120 /2023/CV-TCHC
V/v: CBTT Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP NEDI2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------oOo------
Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

2. Mã chứng khoán: ND2

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

4. Điện thoại: 02143 501 540 Fax: 02143 903 661

5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.

6. Nội dung công bố thông tin:

Công bố thông tin Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ văn bản CBTT về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ và chi tiết Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty tại đường dẫn http://nedi2.com.vn của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

Điều lệ Sửa đổi

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

(Một công ty cổ phần được thành lập theo Pháp luật Việt Nam)

Lào Cai, ngày 11 tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5

Điều 1. Định nghĩa 5

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 10

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 10

Điều 3. Người Đại diện Theo Pháp luật 12

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 12

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty 12

IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN 14

Điều 5. Vốn Điều lệ và Cổ phần 14

Điều 6. Chứng nhận Cổ phiếu và Sổ Đăng ký Cổ đông 15

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác 16

Điều 8. Chuyển nhượng Cổ phần 17

Điều 9. Thu hồi Cổ phần 17

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 18

Điều 10. Cơ cấu tổ chức và quản trị 18

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 18

Điều 11. Quyền của Cổ đông Phổ thông 18

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông 20

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông 21

Điều 14. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông 22

Điều 15. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và Đại diện Theo Ủy quyền 24

Điều 16. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông 25

Điều 17.	Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	27
Điều 18.	Thể thức tiến hành và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	28
Điều 19.	Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	30
Điều 20.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	33
Điều 21.	Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông	35
Điều 22.	Hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	36
VII.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	37
Điều 23.	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	37
Điều 24.	Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị	39
Điều 25.	Chủ tịch	41
Điều 26.	Cuộc họp Hội đồng Quản trị	42
Điều 27.	Thông qua quyết định hoặc nghị quyết của Hội đồng Quản trị	46
VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	49
Điều 28.	Tổ chức bộ máy quản lý	49
Điều 29.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	49
IX.	BAN KIỂM SOÁT	51
Điều 30.	Ban Kiểm soát	51
Điều 31.	Thẩm quyền và cuộc họp của Ban Kiểm soát	53
Điều 32.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	56
Điều 33.	Nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát	56
X.	TRÁCH NHIỆM CẨN TRỌNG VÀ TRUNG THỰC CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	57
Điều 34.	Trách nhiệm cẩn trọng	57
Điều 35.	Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột lợi ích	57
Điều 36.	Trách nhiệm bồi thường thiệt hại	59

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 59
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 60
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 61
Điều 38. Công nhân viên và Công đoàn 61
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 61
Điều 39. Cổ tức 61
Điều 40. Trích lập quỹ 62
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .. 62
Điều 41. Tài khoản ngân hàng 62
Điều 42. Năm tài chính 63
Điều 43. Chế độ kế toán 63
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 63
Điều 44. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý 63
Điều 45. Báo cáo thường niên 64
Điều 46. Công bố thông tin và thông báo công khai 64
XVI. KIỂM TOÁN 64
Điều 47. Kiểm toán 64
XVII. CON DẤU CỦA CÔNG TY 65
Điều 48. Con dấu 65
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 65
Điều 49. Chấm dứt hoạt động 65
Điều 50. Thanh lý 66
XIX. THÔNG BÁO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 66
Điều 51. Thông báo 66
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ 66
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 67

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 67
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 68
Điều 54. Ngày Hiệu lực 68
PHỤ LỤC 1 69

Điều lệ này được thông qua hợp lệ tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty được tổ chức chính thức vào ngày 10 tháng 04 năm 2023.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1 Trong Điều lệ này, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác đi một cách rõ ràng, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

"**Đại diện Theo Ủy quyền**" có nghĩa như quy định tại Điều 15.2 của Điều lệ này.

"**Các Thành viên Hội đồng Quản trị**" có nghĩa là các thành viên của Hội đồng Quản trị là những người sẽ được bầu theo quy định của Điều lệ này và "**Thành viên Hội đồng Quản trị**" có nghĩa là bất kỳ người nào trong số đó.

"**Hội đồng Quản trị**" có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty như quy định tại Điều lệ này.

"**Ngày Làm việc**" có nghĩa là bất kỳ ngày nào (trừ các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ tại Nhật Bản và Việt Nam) mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam và Nhật Bản mở cửa giao dịch thông thường trong giờ làm việc bình thường của ngân hàng.

"**Hoạt động Kinh doanh**" có nghĩa như quy định tại Điều 4.1 của Điều lệ này.

"**Chủ tịch**" có nghĩa là chủ tịch Hội đồng Quản trị là người sẽ được bầu theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.

"**Vốn Điều lệ**" có nghĩa là vốn điều lệ đã góp đủ của Công ty có giá trị 499.939.600.000 VNĐ *(bằng chữ: bốn trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm nghìn Đồng chẵn)* được chia thành 49.993.960 cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

"**Kế toán Trưởng**" có nghĩa là kế toán trưởng của Công ty.

"**GCNĐKDN của Công ty**" có nghĩa là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300215527 của Công ty do Sở KHĐT tỉnh Lào Cai cấp cho Công ty lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004.

"**Công ty**" có nghĩa là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI2), một công ty cổ phần đại chúng chưa niêm yết được thành lập hợp lệ và hoạt động theo Pháp luật Việt Nam, có GCNĐKDN của Công ty do Sở KHĐT tỉnh Lào Cai cấp.

"**Phó Chủ tịch**" có nghĩa là phó chủ tịch Hội đồng Quản trị.

"**Phó Tổng Giám đốc**" có nghĩa là phó tổng giám đốc của Công ty.

"**Tranh chấp**" có nghĩa như quy định tại Điều 52.1 của Điều lệ này.

"**Đồng**" hoặc "**VNĐ**" có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

"**Sở KHĐT**" có nghĩa là Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh tại Việt Nam.

"**Tổng Giám đốc**" có nghĩa là tổng giám đốc của Công ty vào từng thời điểm, được bổ nhiệm phù hợp với các điều khoản của Điều lệ này.

"**Biện pháp Bảo đảm**" có nghĩa là:

(a) Bất kỳ thế chấp, bảo chứng (dù là cố định hoặc thả nổi), cầm cố, bảo lãnh, quyền cầm giữ, thế nợ, chuyển giao, chứng thư ủy thác, bất kỳ hình thức biện pháp bảo đảm hoặc tài sản bảo đảm nào khác có bất kỳ tính chất nào bảo đảm, quyền chuyển đổi hoặc quyền trao đổi, hoặc trao bất kỳ quyền ưu tiên thanh toán nào liên quan đến, nghĩa vụ của bất kỳ Chủ thể nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở bất kỳ quyền nào được trao bởi một giao dịch mà, xét về khía cạnh pháp lý, không phải là việc tạo lập biện pháp bảo đảm nhưng có hiệu lực kinh tế hoặc tài chính tương tự như việc tạo lập biện pháp bảo đảm theo luật áp dụng, bao gồm cả Pháp luật Việt Nam;

(b) Bất kỳ thỏa thuận biểu quyết, quyền lợi, quyền chọn, quyền ưu tiên mua trước hoặc hạn chế chuyển nhượng nào vì lợi ích của bất kỳ Chủ thể nào; và

(c) Bất kỳ đòi hỏi đối nghịch nào liên quan đến quyền sở hữu, chiếm hữu hoặc sử dụng.

"**Ngày Hiệu lực**" có nghĩa như quy định tại Điều 54.1 của Điều lệ này.

"**Năm Tài chính**" có nghĩa như quy định tại Điều 42 của Điều lệ này.

"**Đại hội đồng Cổ đông**" có nghĩa là Đại hội đồng Cổ đông, là cấp có thẩm quyền ra quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết.

"**Cơ quan Nhà nước**" có nghĩa là cơ quan có thẩm quyền cấp nhà nước, thành phố, thị xã, quận/huyện hoặc cơ quan khác; chính quyền nhà nước, địa phương, đô thị hoặc cơ quan có thẩm quyền khác; chính phủ hoặc cơ quan tương đương chính phủ có bất kỳ tính chất nào (bao gồm bất kỳ cơ quan, chi nhánh, ban ngành, ban, ủy ban, tòa án, hội đồng trọng tài hoặc tổ chức khác thực thi quyền hạn của chính phủ hoặc cơ quan tương đương chính phủ); tổ chức thực thi, hoặc có quyền hoặc có chủ đích thực thi, bất kỳ thẩm quyền hoặc quyền hạn hành chính, hành pháp, tư pháp, lập pháp, cảnh sát, cơ quan quản lý hoặc cơ quan thuế nào; hoặc cán bộ của bất kỳ cơ quan nào kể trên tại Việt Nam.

"**Các Thành viên Ban Kiểm soát**" có nghĩa là các thành viên Ban Kiểm soát được bầu theo quy định của Điều lệ này và "**Thành viên Ban Kiểm soát**" có nghĩa là bất kỳ người nào trong số đó.

"**Ban Kiểm soát**" có nghĩa là Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.

"**Sở KHĐT Lào Cai**" có nghĩa là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

"**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 (như được sửa đổi vào từng thời điểm), sẽ hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, và bất kỳ luật sửa đổi hoặc thay thế của Luật đó và bất kỳ văn bản hướng dẫn thi hành nào.

"**Luật Chứng khoán**" có nghĩa là Luật Chứng khoán được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 (như được sửa đổi vào từng thời điểm), sẽ hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Chứng khoán được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, và bất kỳ luật sửa đổi hoặc thay thế của Luật đó và bất kỳ văn bản hướng dẫn thi hành nào.

"**Pháp luật**" hoặc "**Pháp luật Việt Nam**" có nghĩa là bất kỳ luật, bộ luật, sắc lệnh, nghị định, quyết định, thông tư và bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào khác được liệt kê tại Điều 4 của Luật Ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, như được sửa đổi, bổ sung và thay thế vào từng thời điểm, và các văn bản làm rõ và hướng dẫn thi hành của Cơ quan Nhà nước tại Việt Nam (dù là dưới hình thức công văn hay hình thức khác).

"**Người Đại diện Theo Pháp luật**" có nghĩa như quy định tại Điều 3 của Điều lệ này.

"**Cổ đông Lớn**" có nghĩa là một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Cổ phần phổ thông đang lưu hành của Công ty.

"**Người Quản lý**" có nghĩa là Chủ tịch, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng và bất kỳ người quản lý nào khác của Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

"**Thông báo Thanh toán**" có nghĩa như quy định tại Điều 9.1 của Điều lệ này.

"**Người có Quan hệ Gia đình**" có nghĩa là, liên quan đến một cá nhân, vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của cá nhân đó.

"**Chủ thể**" có nghĩa là bất kỳ cá nhân, doanh nghiệp, tập đoàn, công ty, tổ chức tình nguyện, công ty hợp danh, công ty liên doanh, quỹ ủy thác, tổ chức không có tư cách pháp nhân, cơ quan nhà nước, ủy ban, ban ngành, cơ quan có thẩm quyền hoặc đoàn thể, có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân, dù là một pháp nhân riêng biệt hay không.

"**Giao dịch với Người Có Liên quan**" có nghĩa như quy định tại Điều 35.5 của Điều lệ này.

"**Người Có Liên quan**" có nghĩa là cá nhân và tổ chức được quy định theo Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

"**Tỷ lệ Sở hữu Tương ứng**" có nghĩa là, liên quan đến một Cổ đông, tỷ lệ sở hữu bằng với số Cổ phần do Cổ đông đó nắm giữ chia cho Vốn Điều lệ.

"**Cổ phần Bị Thu hồi**" có nghĩa như quy định tại Điều 9.3 của Điều lệ này.

"**Quy tắc Trọng tài**" có nghĩa như quy định tại Điều 52.2 của Điều lệ này.

"**Chứng nhận Cổ phiếu**" có nghĩa như quy định tại Điều 6.1 của Điều lệ này.

"**Cổ phần**" có nghĩa là cổ phần phổ thông có mệnh giá bằng 10.000 VNĐ mỗi cổ phần trong Công ty và "**Các Cổ phần**" sẽ được hiểu tương ứng.

"**Đại diện Cổ đông**" có nghĩa như quy định tại Điều 13.2 của Điều lệ này.

"**Sổ Đăng ký Cổ đông**" có nghĩa như quy định tại Điều 6.6 của Điều lệ này.

"**Các Cổ đông**" có nghĩa là tất cả hoặc một số cổ đông của Công ty và "**Cổ đông**" có nghĩa là bất kỳ Cổ đông nào.

"**UBCKNN**" có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

"**Sở Giao dịch Chứng khoán**" có nghĩa là sở giao dịch chứng khoán nơi Cổ phần của Công ty được đăng ký giao dịch.

"**VIAC**" có nghĩa như quy định tại Điều 52.2 của Điều lệ này.

"**Việt Nam**" có nghĩa là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

"**VNĐ**" có nghĩa là Đồng Việt Nam, đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.

"**Trung tâm Lưu ký Chứng khoán**" có nghĩa là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

1.2 Trong Điều lệ này, dẫn chiếu đến một hoặc nhiều quy định hoặc tài liệu sẽ bao gồm các sửa đổi đối với hoặc tài liệu thay thế quy định hoặc tài liệu đó.

1.3 Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác một cách rõ ràng, dẫn chiếu trong Điều lệ này đến:

(a) Số ít bao gồm cả số nhiều và *ngược lại*;

(b) Các Điều và Phụ lục là dẫn chiếu đến các Điều và Phụ lục của Điều lệ này;

(c) Luật hoặc các quy định của luật được hiểu là dẫn chiếu đến luật đó hoặc các quy định như được sửa đổi, mở rộng, hợp nhất, ban hành lại hoặc thay thế vào từng thời điểm (dù trước hay sau ngày ban hành Điều lệ này) và đến bất kỳ nghị định, quy định hoặc các điều khoản thi hành khác được ban hành theo Luật đó; và

(d) Cụm từ "bao gồm" hoặc "gồm có" được diễn giải không có giới hạn.

1.4 Các tiêu đề (các chương và Điều của Điều lệ này) chỉ nhằm tạo thuận tiện và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ này.

1.5 Bất kỳ từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có cùng nghĩa như trong Điều lệ này (nếu từ hoặc thuật ngữ đó không có trái với chủ đề hoặc hoàn cảnh).

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1 Tên của Công ty

(a) Tên của Công ty bằng tiếng Việt: "**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**"

(b) Tên của Công ty bằng tiếng Anh: "**NORTHERN ELECTRICITY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO. 2**"

(c) Tên viết tắt của Công ty: "**NEDI2**"

2.2 Tư cách pháp nhân của Công ty

(a) Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam kể từ ngày thành lập. Trong quá trình hình thành và hoạt động, Công ty phải tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam, Điều lệ này và GCNĐKDN của Công ty. Mọi hoạt động của Công ty và lợi ích tương ứng của các Cổ đông được Điều lệ này, GCNĐKDN của Công ty và Pháp luật Việt Nam bảo vệ.

(b) Trách nhiệm của Công ty về bất kỳ hành động, sơ suất hoặc vi phạm hợp đồng hoặc theo cách khác sẽ do Công ty hoàn toàn gánh chịu. Trừ khi có quy định khác trong Điều lệ này, không có Cổ đông nào phải chịu trách nhiệm dưới bất kỳ hình thức nào về các khoản nợ hoặc nghĩa vụ của Công ty, ngoại trừ số tiền vốn tương ứng đã được góp vào Công ty, và Công ty không phải chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của Cổ đông.

2.3 Trụ sở đăng ký của Công ty như sau:

Địa chỉ: Thôn San Bang, Xã Bản Vược, Huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Điện thoại: 02143 868 928

Email: nedi2.hn@nedi2.com.vn

Website: www.nedi2.com.vn

2.4 Công ty đã thành lập một (01) văn phòng đại diện với các thông tin như sau:

Tên	:	VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
Mã số văn phòng đại diện	:	5300215527-001
Ngày thành lập	:	02 tháng 11 năm 2015
Địa chỉ đăng ký	:	Tầng 9, Tòa nhà VINACONEX, số 34, Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	:	5300215527-001 do Sở KHĐT Hà Nội cấp, như được sửa đổi vào từng thời điểm

2.5 Thông tin về Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát của Công ty như sau:

Địa chỉ: Thôn San Bang, Xã Bản Vược, Huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Điện thoại: 0203903662

Fax: 0462855557

2.6 Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các địa phương nơi Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị và phù hợp với Điều lệ này và Pháp luật Việt Nam.

2.7 Trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 49.1, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn.

Điều 3. Người Đại diện Theo Pháp luật

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật ("**Người Đại diện Theo Pháp luật**") của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty

4.1 Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm các nội dung sau ("**Hoạt động Kinh doanh**"):

(a) Tiến hành Hoạt động Kinh doanh và thực hiện các ngành nghề kinh doanh được quy định tại Điều 4.2 của Điều lệ này và các ngành nghề kinh doanh khác được đăng ký hợp lệ và được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo Pháp luật Việt Nam; và

(b) Thực hiện các hoạt động kinh doanh và công việc khác được quy định trong Điều lệ và/hoặc được Đại hội đồng Cổ đông quyết định vào từng thời điểm theo quy định của Điều lệ và bất kỳ quy định hiện hành nào của Pháp luật Việt Nam.

4.2 Không phương hại đến các Điều 4.1 và 4.3, vào Ngày Hiệu lực, Công ty đã đăng ký các ngành, nghề kinh doanh sau đây:

STT	Tên ngành	Mã ngành VSIC	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Xây dựng công trình điện	4221	
2.	Sản xuất điện	3511	X

4.3 Không phương hại các Điều 4.1 và 4.2, Công ty được trao quyền để tiến hành tất cả các công việc vì lợi ích của Công ty, bao gồm các công việc sau đây, trong phạm vi Pháp luật Việt Nam không cấm:

(a) Tuyển dụng, trả lương, xử phạt, thưởng và sa thải cán bộ, người quản lý, nhân viên và công nhân người nước ngoài và người Việt Nam;

(b) Ký kết và thực hiện bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết nào và thực hiện các dự án với bất kỳ cá nhân, công ty, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ quan hoặc chủ thể khác trong và ngoài Việt Nam;

(c) Mua, thuê hoặc theo cách khác có được tài sản các loại;

(d) Bán, cho thuê hoặc theo cách khác xử lý tài sản các loại;

(e) Thuê hoặc theo cách khác có được tất cả các loại dịch vụ cần thiết hoặc hữu ích cho hoạt động của Công ty;

(f) Duy trì quan hệ với các ngân hàng bao gồm việc mở các tài khoản ngân hàng với tất cả các loại hình tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính ở bất kỳ nơi nào, kể cả việc vay tiền từ hoặc ký kết các cam kết tài chính với bất kỳ tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tài chính nào bằng bất kỳ loại tiền tệ nào ở trong và ngoài Việt Nam theo các điều khoản mà Công ty có thể quyết định;

(g) Nhận hoặc cấp các khoản vay, bảo lãnh, bồi thường và ủy quyền, và thế chấp, cầm cố và tạo lập biện pháp bảo đảm trong, hoặc theo cách khác bảo đảm bằng, quyền sử dụng đất, bất kỳ bất động sản và tài sản nào để bảo đảm cho các khoản vay hoặc các khoản cam kết khác liên quan đến trách nhiệm của chính Công ty hoặc của các bên thứ ba;

(h) Sử dụng vốn góp, doanh thu và lợi nhuận của Công ty theo cách thức mà Công ty quyết định với toàn quyền tự định đoạt của mình;

(i) Sử dụng bất kỳ phương thức cấp vốn hợp pháp nào để thực hiện hoạt động của Công ty bao gồm phát hành trái phiếu, bảo lãnh, hoặc giấy tờ có giá khác;

(j) Bắt đầu hoặc tự bảo vệ tại các vụ kiện pháp lý và xử lý các tranh chấp;

(k) Thực hiện việc phân chia lợi nhuận và chuyển tiền mặt ra ngoài Việt Nam;

(l) Tái đầu tư thu nhập của Công ty;

(m) Mua bảo hiểm trong quá trình hoạt động của Công ty;

(n) Thuê luật sư, kế toán, tư vấn, đại diện, cố vấn, kiến trúc sư, kỹ sư, và các nhà thầu để hỗ trợ Công ty;

(o) Yêu cầu thanh toán và thanh toán hàng hóa và dịch vụ bằng Đô la Mỹ, bất kỳ loại ngoại tệ nào khác hoặc VNĐ theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành, và tham gia vào các giao dịch và hoạt động phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối;

(p) Xin cấp và duy trì tất cả các chấp thuận của chính phủ;

(q) Tiến hành các công việc khác được Pháp luật Việt Nam cho phép; và

(r) Tham gia vào bất kỳ hoạt động hoặc các hoạt động vì lợi ích kinh tế của Công ty, hoặc có thể cần thiết hoặc nên thực hiện cho các mục đích nêu trên hoặc bất kỳ mục đích nào nêu trên hoặc nếu Hội đồng Quản trị quyết định là phù hợp để tiến hành vì lợi ích của Công ty, hoặc cùng với, bổ trợ cho hoặc bổ sung cho các hoạt động nêu trên.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn Điều lệ và Cổ phần

5.1 Vốn Điều lệ đăng ký của Công ty theo GCNĐKDN của Công ty là 500.000.000.000 VNĐ (*bằng chữ: năm trăm tỷ Đồng chẵn*), được chia thành 50.000.000 cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 VNĐ (*bằng chữ: mười nghìn Đồng chẵn*) mỗi cổ phần.

5.2 Tại Ngày Hiệu lực, Vốn Điều lệ đã góp đủ của Công ty là 499.939.600.000 VNĐ (*bằng chữ: bốn trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm nghìn Đồng chẵn*) được chia thành 49.993.960 cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 VNĐ (*bằng chữ: mười nghìn Đồng chẵn*).

5.3 Tại Ngày Hiệu lực, tất cả Cổ phần trong Vốn Điều lệ của Công ty là Cổ phần phổ thông. Mỗi Cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 VNĐ (*bằng chữ: mười nghìn Đồng chẵn*). Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông gắn liền với Cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 và Điều 12.

5.4 Công ty có thể quyết định phát hành các loại Cổ phần ưu đãi khác theo quy định của Pháp luật Việt Nam thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

5.5 Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác, bất kỳ Cổ phần phổ thông mới phát hành nào sẽ được ưu tiên chào bán cho Cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần phổ thông của Cổ đông hiện hữu trong Công ty. Số Cổ phần mà Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số Cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều khoản và cách thức

mà Hội đồng Quản trị cho là phù hợp, nhưng không được bán các Cổ phần đó với điều kiện thuận lợi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

5.6 Công ty có thể mua Cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật Việt Nam. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, các hướng dẫn và quy định liên quan của Điều lệ này.

5.7 Công ty được quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, và các loại trái phiếu và chứng khoán khác phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam và Điều lệ này. Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị của trái phiếu và thời điểm phát hành trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ này.

5.8 Vốn Điều lệ của Công ty có thể được góp bằng tiền mặt, bằng các loại ngoại tệ tự do chuyển đổi, bằng vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và các tài sản hữu hình hoặc vô hình khác theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Chứng nhận Cổ phiếu và Sổ Đăng ký Cổ đông

6.1 Công ty phải cấp cho mỗi Cổ đông một chứng nhận cổ phiếu để chứng minh Cổ đông đó trong Công ty đang nắm giữ các Cổ phần đã góp đủ (mỗi giấy chứng nhận đó được gọi là "**Chứng nhận Cổ phiếu**").

6.2 Chứng nhận Cổ phiếu do Công ty cấp cho từng Cổ đông có thể tồn tại dưới hình thức chứng chỉ giấy (do Công ty phát hành) hoặc bút toán hoặc dữ liệu điện tử (do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp) nhằm xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của Công ty. Trong phạm vi được Pháp luật Việt Nam yêu cầu, trường hợp Chứng nhận Cổ phiếu là chứng chỉ giấy do Công ty phát hành phải ghi nhận các nội dung chủ yếu sau:

(a) Tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

(b) Số lượng và loại Cổ phần;

(c) Mệnh giá mỗi Cổ phần và tổng mệnh giá các Cổ phần được ghi trong Chứng nhận Cổ phiếu;

(d) Họ tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức;

(e) Chữ ký của Người Đại diện Theo Pháp luật của Công ty; và

(f) Số đăng ký được ghi nhận trong Sổ Đăng ký Cổ đông và ngày phát hành Chứng nhận Cổ phiếu.

6.3 Tất cả các lỗi, nếu có, trong nội dung và hình thức của Chứng nhận Cổ phiếu do Công ty không ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích của chủ sở hữu.

6.4 Cổ đông được cấp Chứng nhận Cổ phiếu trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm việc (hoặc một thời hạn khác do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán quy định) sau ngày nộp đầy đủ hồ sơ xin chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần được Công ty quy định, hoặc trong thời hạn hai (02) tháng sau khi thanh toán đủ giá mua Cổ phần như quy định trong phương án phát hành Cổ phần của Công ty. Cổ đông không phải trả cho Công ty bất kỳ chi phí nào cho việc in Chứng nhận Cổ phiếu.

6.5 Trường hợp Chứng nhận Cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, người nắm giữ Chứng nhận Cổ phiếu đó có thể yêu cầu Công ty cấp lại Chứng nhận Cổ phiếu với điều kiện phải thanh toán chi phí hợp lý cho Công ty. Yêu cầu đó phải có các nội dung sau:

(a) Thông tin về Chứng nhận Cổ phiếu đã bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

(b) Cam kết của Cổ đông yêu cầu về việc chịu trách nhiệm về tranh chấp phát sinh từ việc cấp (các) Chứng nhận Cổ phiếu mới.

6.6 Công ty có thể lập và duy trì sổ đăng ký Cổ đông (**"Sổ Đăng ký Cổ đông"**) và Sổ Đăng ký Cổ đông có thể được cập nhật vào từng thời điểm để ghi nhận thông tin về Cổ đông nắm giữ Cổ phần của Công ty được đăng ký với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Sổ Đăng ký Cổ đông phải được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người Đại diện Theo Pháp luật và con dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng Cổ phần

8.1 Tất cả Cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, một nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua hợp lệ theo quy định của Pháp luật Việt Nam và Điều lệ này, hoặc Pháp luật Việt Nam có quy định khác. Cổ phần đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận Cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua Cổ phần mới chào bán hoặc các quyền lợi khác theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Thu hồi Cổ phần

9.1 Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua Cổ phần, Hội đồng Quản trị sẽ gửi thông báo ("**Thông báo Thanh toán**") và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

9.2 Thông báo Thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày sau ngày gửi Thông báo Thanh toán) và địa điểm thanh toán, và phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu số Cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

9.3 Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các Cổ phần ("**Cổ phần Bị Thu hồi**") chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong Thông báo Thanh toán nêu trên không được thực hiện.

9.4 Cổ phần Bị Thu hồi được coi là các Cổ phần được quyền chào bán quy định tại Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể, trực tiếp hoặc ủy quyền, bán hoặc tái phân phối các Cổ phần đó theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.

9.5 Các Cổ đông nắm giữ Cổ phần Bị Thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những Cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán (tất cả các khoản tiền có liên quan) cộng với lãi phát sinh theo lãi suất (không vượt quá lãi suất cho vay VNĐ thời hạn mười hai (12) tháng của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện

thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị Cổ phần vào thời điểm thu hồi.

9.6 Thông báo thu hồi được gửi đến Cổ đông nắm giữ Cổ phần Bị Thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức và quản trị

Cơ cấu tổ chức và quản trị của Công ty bao gồm:

10.1 Đại hội đồng Cổ đông;

10.2 Hội đồng Quán trị;

10.3 Ban Kiểm soát; và

10.4 Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ đông Phổ thông

11.1 Cổ đông nắm giữ Cổ phần phổ thông có các quyền sau:

(a) Tham dự và phát biểu trong tất cả các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và hực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua (các) đại diện được ủy quyền hoặc theo các phương thức được quy định theo Điều lệ này và Pháp luật Việt Nam; mỗi Cổ phần phổ thông đã góp đủ có một phiếu biểu quyết;

(b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

(c) Được ưu tiên đăng ký mua Cổ phần mới chào bán phù hợp với Tỷ lệ Sở hữu Tương ứng của từng Cổ đông trong Công ty;

(d) Được chuyển nhượng Cổ phần hoặc quyền đăng ký mua Cổ phần theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật Việt Nam;

(e) Xem xét, tra cứu, và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên hệ trong Sổ Đăng ký Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

(f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;

(g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của Cổ đông đó trong Công ty; và

(h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

11.2 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Cổ phần phổ thông đang lưu hành của Công ty ("**Cổ đông Lớn**") có thêm các quyền sau:

(a) Xem xét, tra cứu và trích lục số biên bản họp, nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm, hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng và giao dịch phải có chấp thuận của Hội đồng Quản trị và các tài liệu khác, trừ các tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

(b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp (i) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người Quản lý hoặc quyết định vượt quá thẩm quyền được giao, hoặc (ii) các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều 11.2(b) phải bằng văn bản và phải nêu rõ họ tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý khác đối với Cổ đông là cá nhân; hoặc tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác, đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của Công ty; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền Hội đồng Quản trị;

(c) Yêu cầu Ban Kiểm soát soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành và quản trị của Công ty.

Yêu cầu theo Điều 11.2(c) này phải bằng văn bản và phải nêu rõ họ tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu

hoặc giấy tờ pháp lý khác đối với Cổ đông là cá nhân; hoặc tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác, đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của Công ty; (các) vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và

(d) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

11.3 Cổ đông hoặc nhóm Các Cổ đông sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Cổ phần phổ thông đang lưu hành của Công ty có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

(a) Cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo cho Cổ đông dự họp về việc hình thành nhóm trước khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông;

(b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 11.3 này được quyền ứng cử, đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông ứng cử, đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền ứng cử, đề cử theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông

Không phương hại các quy định khác của Điều lệ này, Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

12.1 Thanh toán đủ tiền mua Cổ phần mà Cổ đông đã đăng ký mua;

12.2 Không được rút phần vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Cổ phần được Công ty mua lại hoặc được người khác nhận chuyển nhượng. Trường hợp Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ Cổ phần của mình không đúng với quy định tại Điều 12.2 này, Cổ đông đó và bất kỳ người nào có lợi ích liên quan trong Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị Cổ phần được rút và bất kỳ tổn thất nào phát sinh;

12.3 Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

12.4 Thực hiện đúng các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị;

12.5 Giữ bí mật thông tin được Công ty cung cấp, chỉ sử dụng các thông tin được cung cấp cho mục đích thực hiện và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, nghiêm cấm phát tán, sao chép hoặc gửi các thông tin được cung cấp cho các tổ chức và cá nhân khác;

12.6 Chịu trách nhiệm cả nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

(a) Vi phạm Pháp luật;

(b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc

(c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;

12.7 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật đó và Điều lệ này.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông

13.1 Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cao nhất của Công ty.

13.2 Cổ đông là tổ chức có thể chỉ định một hoặc một số đại diện theo ủy quyền (mỗi người đó được gọi là "**Đại diện Cổ đông**") để thực hiện các quyền của mình với tư cách là Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty bằng cách gửi thông báo về việc chỉ định đó cho Công ty. Việc chỉ định Đại diện Cổ đông phải phù hợp với Luật Doanh nghiệp.

13.3 Đại hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

(a) Thông qua phương hướng phát triển của Công ty;

(b) Quyết định về loại Công ty và tổng số Cổ phần của từng loại được quyền bán; quyết định về mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại Cổ phần;

(c) Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm (các) Thành viên Hội đồng Quản trị và (các) Thành viên Ban Kiểm soát;

(d) Quyết định đầu tư hoặc quyết định bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

(e) Quyết định sửa đổi và/hoặc bổ sung Điều lệ này;

(f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

(g) Quyết định mua lại mười phần trăm (10%) trở lên tổng số Cổ phần đã phát hành của mỗi loại;

(h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Thành viên Hội đồng Quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông;

(i) Quyết định về tổ chức lại và giải thể Công ty;

(j) Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác của Hội đồng Quản trị và của Ban Kiểm soát;

(k) Thông qua quy chế quản lý nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và của Ban Kiểm soát;

(l) Thông qua danh sách các công ty kiểm toán, và quyết định về kiểm toán độc lập để thực hiện công tác kiểm soát của Công ty, và miễn nhiệm kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; và

(m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 14. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

14.1 Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường, phụ thuộc vào Điều 14.4. Trừ khi có quy định khác trong Điều lệ này, địa điểm, thời gian và phương thức của các cuộc họp đó sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định, với điều kiện là địa điểm của các cuộc họp đó, được xác định là nơi chủ tọa tham dự cuộc họp, phải trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được tổ chức họp trực tiếp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc bằng cách sử dụng bất kỳ phương tiện điện tử hợp pháp nào, bao gồm cả truyền hình vệ tinh, TV hoặc hội nghị trực tuyến. Quy chế tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến được quy định tại Phụ lục 1 đính kèm Điều lệ này.

14.2 Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên phải được tổ chức trong vòng bốn (04) tháng kể từ khi kết thúc Năm Tài chính. Hội đồng Quản trị có thể kéo dài thời hạn tổ chức cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp cần thiết, nhưng không vượt quá sáu (06) tháng kể từ khi kết thúc Năm Tài chính.

14.3 Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các tài liệu sau:

(a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

(b) Báo cáo tài chính hảng năm;

(c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản lý và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng Thành viên Hội đồng Quản trị;

(d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc;

(e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Các Thành viên Ban Kiểm soát;

(f) Mức cổ tức được chi trả hàng năm đối với từng loại Cổ phần; và

(g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

14.4 Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:

(a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

(b) Số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của Pháp luật Việt Nam;

(c) Theo yêu cầu bằng văn bản của Cổ đông Lớn theo quy định tại Diều 11.2;

(d) Theo yêu cầu bằng văn bàn của Ban Kiểm soát; và

(e) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật Việt Nam và Điều lệ này.

14.5 Triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông:

(a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điều 14.4(b) trên

đây hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu triệu tập họp như quy định tại các Điều 14.4(c) và 14.4(d) trên đây. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định, thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các Thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

(b) Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 14.5(a), thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

(c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 14.5(b), thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông Lớn yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

(d) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Các chi phí đó không bao gồm các chi phí, kể cả chi phí đi lại và thuê chỗ ở, phải do các Cổ đông tự chi trả khi tham dự Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 15. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và Đại diện Theo Ủy quyền

15.1 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong những trường hợp sau đây:

(a) Cổ đông đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

(b) Cổ đông đó ủy quyền cho một tổ chức hoặc cá nhân khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp theo Điều 15;

(c) Cổ đông đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

(d) Cổ đông đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; hoặc

(e) Cổ đông đó gửi phiếu biểu quyết bằng các phương tiện khác được quy định trong Điều lệ này.

15.2 Cổ đông là cá nhân hoặc Đại diện Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật (trường hợp nếu Cổ đông là tổ chức chưa chỉ định Đại diện Cổ đông) của Cổ đông

là tổ chức có thể chỉ định bằng văn bản một (01) hoặc, nếu được Pháp luật Việt Nam cho phép, nhiều đại diện theo ủy quyền ("**Đại diện Theo Ủy quyền**") thay mặt mình tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

15.3 Việc ủy quyền cho Đại diện Theo Ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản, và nêu rõ tên của Đại diện Theo Ủy quyền và số lượng Cổ phần mà Đại diện Theo Ủy quyền được ủy quyền. Trong trường hợp Pháp luật Việt Nam yêu cầu, văn bản ủy quyền Đại diện Theo Ủy quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:

(a) Trường hợp Cổ đông ủy quyền là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và chữ ký của Đại diện Theo Ủy quyền;

(b) Trường hợp người ủy quyền là Đại diện Cổ đông của một Cổ đông là tổ chức thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức, chữ ký của Đại diện Cổ đông, và chữ ký của Đại diện Theo Ủy quyền được ủy quyền tham dự cuộc họp; và

(c) Trong các trường hợp khác, văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và Đại diện Theo Ủy quyền tham dự cuộc họp.

15.4 Đại diện Theo Ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp bản gốc của văn bản ủy quyền và bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý khác của Cổ đông ủy quyền trong trường hợp Cổ đông ủy quyền là cá nhân hoặc bản gốc văn bản chỉ định Đại diện Cổ đông trong trường hợp người ủy quyền là Đại diện Cổ đông của một Cổ đông là tổ chức khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Để tránh hiểu nhầm, trường hợp nếu người đại diện theo pháp luật của một Cổ đông là tổ chức tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thì ngoài giấy tờ pháp lý của cá nhân, tài liệu chứng minh về tư cách người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức đó, thì người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức sẽ không phải xuất trình bất kỳ văn bản ủy quyền nào khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 16. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông

16.1 Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định tại Điều 14.4.

16.2 Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

(a) Lập danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông;

(b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông nêu trên;

(c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

(d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

(e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát;

(f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;

(g) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông đến tất cả các Cổ đông có quyền dự họp; và

(h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

16.3 Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả các Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ của từng Cổ đông cung cấp trong Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty ít nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày họp (thời hạn đó được tính từ ngày thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, ngày thanh toán cước phí gửi thông báo, hoặc ngày thông báo được bỏ vào hộp thư), và đồng thời được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty, của UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

(a) Chương trình họp và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

(b) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; và

(c) Phiếu biểu quyết.

Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, thì các tài liệu kèm theo thông báo mời họp nêu trên đây có thể được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty

thay vì gửi trực tiếp đến các Cổ đông. Trong trường hợp này, thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu.

16.4 Cổ đông Lớn có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải được lập thành văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) Ngày Làm việc trước thời điểm khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ tên của các Cổ đông, số lượng và loại Cổ phần mà các Cổ đông đó sở hữu, và những nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

16.5 Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị được nêu tại Điều 16.4 trong những trường hợp sau đây, và phải thông báo bằng văn bản cho Cổ đông Lớn có kiến nghị về lý do từ chối đó không muộn hơn hai (02) Ngày Làm việc trước ngày họp:

(a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 16.4 trên đây; hoặc

(b) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền thảo luận và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 17. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

17.1 Số lượng đại biểu cần thiết cho bất kỳ cuộc họp nào gồm (các) Cổ đông đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.

17.2 Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất được triệu tập hợp lệ không thể được tiến hành do thiếu số lượng đại biểu cần thiết, cuộc họp đó sẽ được hoãn lại. Thông báo mời họp cho cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.

17.3 Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai không thể được tiến hành do thiếu số đại biểu cần thiết, thì thông báo mời họp cho cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba sẽ được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông tham dự họp.

17.4 Chỉ Đại hội đồng Cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 16.3.

Điều 18. Thể thức tiến hành và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành như sau:

18.1 Đăng ký Cổ đông:

(a) Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông của Công ty và việc đăng ký phải được thực hiện cho đến khi tất cả các Cổ đông có quyền tham dự và có mặt đăng ký hết.

(b) Khi tiến hành đăng ký một Cổ đông, Công ty cấp cho Cổ đông đó hoặc Đại diện Theo Ủy quyền của Cổ đông đó có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ tên của Đại diện Theo Ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu không tán thành nghị quyết sẽ được thu sau, và cuối cùng tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến sẽ được đếm để đưa ra quyết định cuối cùng. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, và không có ý kiến sẽ được thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết một vấn đề. Đại hội đồng Cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

(c) Bất kỳ Cổ đông hoặc Đại diện Theo Ủy quyền nào đến dự họp Đại hội đồng Cổ đông muộn đều được đăng ký và có quyền tham gia ngay vào việc biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông để cho các Cổ đông đến muộn đăng ký, và hiệu lực của bất kỳ đợt biểu quyết nào đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

18.2 Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu như sau:

(a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho một Thành viên Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; nếu không bầu được người làm chủ tọa, thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại

hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp, và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

(b) Trừ trường hợp quy định tại Điều 18.2(a), người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

(c) Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

(d) Đại hội đồng Cổ đông bầu ra một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp.

18.3 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian diễn ra đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

18.4 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự họp.

18.5 Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

18.6 Người triệu tập cuộc họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền sau đây:

(a) Yêu cầu tất cả những người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; và

(b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

18.7 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) Ngày Làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc cuộc họp và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong những trường hợp sau đây:

(a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả những người dự họp;

(b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; hoặc

(c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

18.8 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Điều 18.7, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả những nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông

19.1 Tất cả các vấn đề cần Đại hội đồng Cổ đông quyết nghị có thể được thông qua trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến) hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các Cổ đông mà không cần tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

19.2 Ngoại trừ những vấn đề được nêu tại Điều 19.3, Điều 19.4 và Điều 19.7, bất kỳ vấn đề nào cần Đại hội đồng Cổ đông quyết nghị phải được thông qua khi được tán thành bởi các Cổ đông đại diện tối thiểu năm mươi mốt (51%) phần trăm tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đối với những vấn đề được thông qua.

19.3 Bất kỳ vấn đề nào trong số các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp của Đại hội đồng Cổ đông và phải được thông qua khi được tán thành bởi các Cổ đông đại diện tối thiểu sáu mươi sáu phần trăm (66%) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông:

(a) Quyết định đầu tư vào dự án mới hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

(b) Ký kết, sửa đổi, chấm dứt, gia hạn, mở rộng hoặc từ bỏ bất kỳ điều khoản và điều kiện nào của các hợp đồng sau đây:

(i) Các hợp đồng thuê đất và các hợp đồng liên quan đến đất đai khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty; và

(ii) Các Giao dịch với Bên Có liên quan có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

(c) Việc xác lập bất kỳ Biện pháp Bảo đảm quan trọng nào đối với tài sản của Công ty được sử dụng cho các dự án đầu tư theo quyết định và chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, và có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

(d) Phát hành Cổ phần mới hoặc trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm theo chứng quyền;

(e) Thay đổi cơ cấu tổ chức và quản lý (chẳng hạn như Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát) của Công ty;

(f) Thay đổi về hoạt động kinh doanh/ngành nghề kinh doanh chính mà Công ty đang tiến hành;

(g) Sửa đổi các điều khoản của Điều lệ Sửa đổi của Công ty có liên quan đến các vấn đề được quy định tại Điều 19.3 và Điều 27.3 này;

(h) Nộp đơn xin phá sản; tái tổ chức, chia tách hoặc giải thể Công ty;

(i) Mua lại từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số Cổ phần đã phát hành của từng loại;

(j) Sáp nhập hoặc hợp nhất với bất kỳ pháp nhân nào khác;

(k) Các loại Cổ phần và tổng số Cổ phần mỗi loại; và

(l) Thay đổi đối với Cổ phần được quyền chào bán hoặc đã phát hành của Công ty.

19.4 Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần mà Cổ đông đó sở hữu nhân với số Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát được bầu và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đã có đủ số Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát

theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

19.5 Bất kỳ vấn đề nào (ngoại trừ những vấn đề phải được thông qua dưới hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 19.3, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát quy định tại Điều 19.4, việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của một Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi quy định tại Điều 19.7) được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Cổ đông mà không tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tiếp được thông qua khi vấn đề đó được tán thành bởi các Cổ đông đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

19.6 Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

19.7 Bất kỳ vấn đề nào làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của một Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi phải được thông qua:

(a) Khi vấn đề đó được tán thành bởi ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) Cổ đông dự họp sở hữu Cổ phần ưu đãi cùng loại, nếu nghị quyết đó được thông qua tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông; hoặc

(b) Khi vấn đề đó được tán thành bởi ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi cùng loại, nếu nghị quyết đó được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

19.8 Trường hợp tất cả các Cổ đông đại diện cho một trăm phần trăm (100%) số Cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc thông qua Đại diện Theo Ủy quyền, các nghị quyết được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí tán thành đều được xem là có hiệu lực kể cả trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông không được tiến hành theo đúng trình tự và thể thức quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua một nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

20.1 Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại bất kỳ thời điểm nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, ngoại trừ trường hợp quy định tại Điều 19.3.

20.2 Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi những tài liệu nêu trên cho các Cổ đông trong thời hạn không muộn hơn mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 16.3.

20.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số GCNĐKDN của Công ty;

(b) Mục đích lấy ý kiến;

(c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của Cổ đông là tổ chức; hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

(d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

(e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến;

(f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.

20.4 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

(a) Trường hợp gửi qua thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, và của đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở phong bì trước khi kiểm phiếu;

(b) Trường hợp gửi qua fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

Bất kỳ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời nào được gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở ra hoặc bị tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về Công ty được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

20.5 Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không phải là Người Quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số GCNĐKDN của Công ty;

(b) Mục đích của việc lấy ý kiến bằng văn bản và các vấn đề cần lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết;

(c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

(d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được biểu quyết;

(e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; và

(f) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

phiếu, và liên đới chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

20.6 Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi, trực tiếp hoặc thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có), đến các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

20.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

20.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị và hợp lệ như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

21.1 Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số GCNĐKDN của Công ty;

(b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;

(c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

(d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

(e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

(f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

(g) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

(h) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả Thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 21.1. Biên bản họp phải ghi rõ việc chủ tọa hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp.

21.2 Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

21.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

21.4 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và biên bản lập bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau, với điều kiện là trong trường hợp có bất kỳ sự khác nhau nào về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

21.5 Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 22. Hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông

22.1 Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày hiệu lực được ghi trong nghị quyết đó.

22.2 Cổ đông Lớn có quyền yêu cầu tòa án hoặc cơ quan trọng tài xem xét và hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu đối với các phiếu lấy ý của Đại hội đồng Cổ đông trong những trường hợp sau đây:

(a) Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thủ tục ban hành nghị quyết vi phạm nghiêm trọng Pháp luật Việt Nam và Điều lệ này, trừ trường hợp nghị quyết đó được thông qua bởi các Cổ đông đại diện cho một trăm phần trăm (100%) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc

(b) Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật Việt Nam hoặc Điều lệ này.

22.3 Trường hợp Cổ đông Lớn yêu cầu tòa án hoặc cơ quan trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 22.2, thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định của tòa án, cơ quan trọng tài hủy bỏ nghị quyết đó có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

23.1 Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty và quyết định bất kỳ vấn đề nào, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

23.2 Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

(a) Quyết định về chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty cũng kế hoạch ngân sách hàng năm;

(b) Kiến nghị loại Cổ phần và tổng số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

(c) Quyết định bán Cổ phần chưa bán trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

(d) Phụ thuộc vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty theo phương án đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt;

(e) Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; Quyết định giá chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;

(f) Kiến nghị mua lại Cổ phần trong phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông để Đại hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định mua lại Cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

(g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ này;

(h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

(i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay hoặc bất kỳ hợp đồng và giao dịch nào khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ này quy định hợp đồng và giao dịch đó phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua hoặc thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

(j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Kế Toán trưởng và những Người Quản lý khác trừ những Người Quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; chỉ định đại diện theo ủy quyền của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Thành viên ở các công ty khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng và những Người Quản lý khác của Công ty trừ những Người Quán lý thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

(k) Giám sát và chỉ đạo Tổng Giám đốc và những Người Quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

(l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; kiến nghị thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

(m) Phê duyệt chương trình họp, nội dung tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;

(n) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng Cổ đông;

(o) Kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông mức cổ tức được trả và quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

(p) Kiến nghị việc nộp đơn xin phá sàn, tổ chức lại, sáp nhập, chia tách, giải thể hoặc thanh lý Công ty;

(q) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

23.3 Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết và quyết định dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ này quy định. Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

23.4 Trường hợp nghị quyết hoặc quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật Việt Nam, trái với nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, trái với các quy định của Điều lệ này, do đó gây thiệt hại cho Công ty thì các Thành viên Hội đồng Quản trị đã tán thành thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó phải cùng chịu trách nhiệm cá nhân liên đới về nghị quyết hoặc quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị nào đã phản đối việc thông qua nghị quyết hoặc quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết hoặc quyết định nói trên.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị

24.1 Hội đồng Quản trị gồm năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có Thành viên Hội đồng Quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị mới đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm.

24.2 Trường hợp tất cả Thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các Thành viên đó tiếp tục là Thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có Thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác.

24.3 Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng

cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng Quản trị.

24.4 Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và các điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Cụ thể, không giới hạn ở nội dung trên đây, Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông, và không cần phải mang quốc tịch Việt Nam. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể cư trú hoặc không cư trú tại Việt Nam.

24.5 Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

(a) Thành viên Hội đồng Quản trị đó không đủ tư cách làm Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

(b) Thành viên Hội đồng Quản trị đó đã nộp đơn xin từ chức và được chấp thuận;

(c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.

24.6 Đại hội đồng Cổ đông bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

(a) Thành viên Hội đồng Quản trị đó không tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.

24.7 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng Cổ đông quyết định thay thế Thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điều 24.5 và Điều 24.6.

24.8 Việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và thị trường chứng khoán.

24.9 Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

(a) Trường hợp số Thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng

Quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày mà số Thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) để bổ sung (các) Thành viên Hội đồng Quản trị mới;

(b) Trừ trường hợp quy định tại Điều 24.9(a), Đại hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế Thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 25. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

25.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các Thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được phép đồng thời kiêm Tổng Giám đốc.

25.2 Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

(a) Xây dựng các chương trình và kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;

(b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình làm việc, nội dung và tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội đồng Quản trị, triệu tập và làm chủ tọa các cuộc họp đó;

(c) Tổ chức việc thông qua các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị;

(d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết và quyết định đã được Hội đồng Quản trị thông qua;

(e) Chủ trì các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông; và

(f) Các quyền và nghĩa vụ khác như được quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

25.3 Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Chủ tịch phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên Hội đồng Quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch theo các nguyên tắc được quy định trong Điều lệ này. Trường hợp không có Thành viên Hội đồng Quản trị nào được ủy quyền hoặc Chủ tịch chết, mất tích bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, thì các Thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số các

Thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

25.4 Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty.

Điều 26. Cuộc họp Hội đồng Quản trị

26.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị. Cuộc họp này do Thành viên Hội đồng Quản trị có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có từ hai (02) Thành viên Hội đồng Quản trị trở lên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các Thành viên Hội đồng Quản trị bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập cuộc họp.

26.2 Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp định kỳ hoặc bất thường tại trụ sở của Công ty hoặc ở nơi khác trong lãnh thổ Việt Nam hoặc ở một nước khác theo quyết định của Chủ tịch và theo thông báo cho các Thành viên Hội đồng Quán trị. Quy chế tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị trực tuyến được quy định tại Phụ lục 1 đính kèm Điều lệ này.

26.3 Phụ thuộc vào Điều 26.11 dưới đây, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp định kỳ ít nhất một lần mỗi quý.

26.4 Chủ tịch phải triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu có đề nghị của:

(a) Ban Kiểm soát;

(b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người Quản lý khác; hoặc

(c) Ít nhất hai (02) Thành viên Hội đồng Quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

26.5 Chủ tịch phải triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại Điều 26.4. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị, thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; (những) người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị.

26.6 Chủ tịch hoặc người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) Ngày Làm việc trước ngày họp. Trong phạm vi được Pháp luật Việt Nam yêu cầu, thông báo mời họp phải ghi rõ thời gian và địa điểm họp, chương trình họp, các vấn đề sẽ được thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu liên quan sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết. Thông báo mời họp có thể được gửi qua thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Thành viên Hội đồng Quản trị đã đăng ký với Công ty.

26.7 Trong phạm vi được Pháp luật Việt Nam yêu cầu, Chủ tịch hoặc người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan cho các Thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo cách thức như đối với các Thành viên Hội đồng Quản trị. Các Thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc không phải là Thành viên Hội đồng Quản trị có thể tham dự tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị, và có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

26.8 Tại bất kỳ cuộc họp Hội đồng Quản trị nào:

(a) Thành viên Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Công ty cung cấp phiên dịch và chi phí cũng như phí tổn phát sinh liên quan đến phiên dịch đó do Công ty gánh chịu hoặc tự mang theo phiên dịch bằng chi phí của mình; và

(b) Bất kỳ tài liệu nào liên quan đến cuộc họp đó của Hội đồng Quản trị, bao gồm nhưng không giới hạn ở chương trình họp, thông báo, thông báo mời họp, các tài liệu sẽ được thảo luận tại cuộc họp, nghị quyết và biên bản cuộc họp phải đính kèm một bản dịch tiếng Anh của văn bản đó, trong đó chi phí và phí tổn phát sinh sẽ do Công ty gánh chịu.

26.9 Điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng Quản trị

(a) Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có số thành viên tham dự ít nhất bằng ba phần tư (3/4) tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị dù là tham dự trực tiếp hay thông qua đại diện theo ủy quyền. Trong trường hợp cuộc họp Hội đồng Quản trị được triệu tập hợp lệ không thể tiến hành do thiếu số đại biểu cần thiết, cuộc họp đó sẽ được hoãn lại. Cuộc họp bị hoãn lại phải được tổ chức trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày được chọn cho cuộc họp đầu tiên. Cuộc họp bị hoãn lại sẽ được tiến hành nếu có sự tham dự của hơn một nửa số Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

(b) Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham gia tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Nếu được đa số Thành viên Hội đồng Quản trị tán thành, một Thành viên Hội đồng Quản trị có thể chỉ định bằng văn bản đại diện theo ủy quyền (không nhất thiết phải là Thành viên Hội đồng Quản trị) để tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị và thực hiện các quyền và quyền hạn của Thành viên Hội đồng Quản trị đó trong cuộc họp Hội đồng Quản trị bằng cách gửi văn bản ủy quyền cho Chủ tịch.

26.10 Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị

(a) Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong những trường hợp sau đây:

(i) Thành viên Hội đồng Quản trị đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

(ii) Thành viên Hội đồng Quản trị đó ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp theo Điều 26.9(b);

(iii) Thành viên Hội đồng Quản trị đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc

(iv) Thành viên Hội đồng Quản trị đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

(b) Thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp dự họp có thể biểu quyết thông qua bằng văn bàn bằng cách gửi phiếu biểu quyết của mình trong phong bì dán kín đến Chủ tịch với điều kiện là Chủ tịch phải nhận được phong bì dán kín đó ít nhất một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phong bì dán kín chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người tham dự họp. Thành viên Hội đồng Quản trị tham dự như vậy được xem là có mặt trực tiếp tại cuộc họp và được tính vào số lượng đại biểu cần thiết.

26.11 Theo quy định cho phép của Luật Doanh nghiệp, thay vì tổ chức cuộc họp trực tiếp của Hội đồng Quản trị, Chủ tịch có thể tổ chức để Hội đồng Quản trị thông qua một quyết định hoặc nghị quyết trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Quản trị dưới hình thức gửi phiếu lấy ý kiến của các Thành viên Hội đồng Quản trị theo thể thức dưới đây hoặc theo thể thức tương tự khác được Hội đồng Quản trị chấp thuận:

(a) Chủ tịch có thể chuẩn bị và gửi cho từng Thành viên Hội đồng Quản trị qua thư, fax hoặc thư điện tử một bản dự thảo nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

(b) Thành viên Hội đồng Quản trị có thể thông qua bản dự thảo nghị quyết của Hội đồng Quản trị được nêu tại đoạn (a) trên đây bằng cách ký vào phần dành để ký trong bản dự thảo nghị quyết và gửi lại bản nghị quyết đã ký cho Chủ tịch qua thư, fax hoặc thư điện tử;

(c) Bản dự thảo nghị quyết có thể được ký với bất kỳ số lượng bản riêng rẽ nào, mỗi bản ký là một bản gốc nhưng tất cả các bản gốc đó khi gộp lại tạo thành một văn bản duy nhất; và

(d) Bản dự thảo nghị quyết của Hội đồng Quản trị được xem là được Hội đồng Quản trị thông qua và có hiệu lực và giá trị ràng buộc vào ngày mà Công ty nhận được các chấp thuận cần thiết của các Thành viên Hội đồng Quản trị theo yêu cầu tại các Điều 27.2 và 27.3.

26.12 Biên bản họp Hội đồng Quản trị

(a) Tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi vào sổ biên bản họp. Biên bản họp phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh và, trong phạm vi được Pháp luật Việt Nam yêu cầu, phải có các nội dung chủ yếu như sau:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Công ty;

(ii) Thời gian, địa điểm của cuộc họp Hội đồng Quản trị;

(iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

(iv) Họ, tên từng Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp hoặc đại diện theo ủy quyền, họ, tên của các Thành viên Hội đồng Quán trị không dự họp và lý do vắng mặt;

(v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

(vi) Tóm tắt các ý kiến phát biểu của từng người tham dự theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những Thành viên Hội đồng Quản trị tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(viii) Quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng; và

(ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản cuộc họp.

(b) Trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu biên bản được tất cả các Thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 26.12(a), thì biên bản này có hiệu lực.

(c) Chủ tọa và người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

(d) Biên bản họp Hội đồng Quản trị và các tài liệu được sử dụng trong các cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

(e) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau với điều kiện là trong trường hợp có bất kỳ sự khác nhau nào về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Điều 27. Thông qua quyết định hoặc nghị quyết của Hội đồng Quản trị

27.1 Trừ trường hợp được một Thành viên Hội đồng Quán trị khác ủy quyền, mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết đối với bất kỳ vấn đề nào được đưa ra trước Hội đồng Quản trị.

27.2 Ngoại trừ các vấn đề nêu tại Điều 27.3, các vấn đề phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận sẽ được thông qua khi vấn đề đó được sự chấp thuận của ít nhất ba phần năm (3/5) tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị, bao gồm:

(a) Đề xuất chi trả cổ tức tạm thời và cổ tức cuối cùng bằng tiền mặt;

(b) Kế hoạch kinh doanh hàng năm, với thông tin chi tiết về kế hoạch ngân sách dự phòng hàng năm cho năm tiếp theo, không liên quan đến các vấn đề được quy định tại Điều 19.3 và Điều 27.3 của Điều lệ này;

(c) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này.

27.3 Quyết định hoặc nghị quyết của Hội đồng Quản trị về bất kỳ vấn đề nào sau đây sẽ được thông qua nếu quyết định hoặc nghị quyết đó được sự chấp thuận của ít nhất bốn phần năm (4/5) số Thành viên Hội đồng Quản trị:

(a) Quyết định về việc Công ty nộp đơn khởi kiện hoặc khiếu nại quan trọng.

(b) Quyết định đầu tư dự án mới hoặc bán tài sản có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và có tổng mức đầu tư vượt quá 500 tỷ VNĐ;

(c) Ký kết, sửa đổi, chấm dứt, gia hạn hoặc miễn trừ bất kỳ điều khoản và điều kiện nào của các hợp đồng/thỏa thuận sau đây:

(i) Hợp đồng vay hoặc hợp đồng cấp vốn liên quan đến một dự án đầu tư có tổng mức đầu tư vượt quá 500 tỷ VNĐ;

(ii) Hợp đồng thuê đất và các hợp đồng liên quan đến đất đai khác có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và liên quan đến một dự án đầu tư có tổng mức đầu tư vượt quá 500 tỷ VNĐ;

(iii) Hợp đồng vận hành và quản lý;

(iv) Hợp đồng mua bán điện;

(v) Thỏa thuận đấu nối; và

(vi) Giao dịch với Bên Có Liên quan có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

(d) Việc xác lập bất kỳ Biện pháp Bảo đảm quan trọng bằng tài sản của Công ty được sử dụng cho các dự án đầu tư đã được Hội đồng Quản trị quyết định thông qua (tức là đối với các khoản vay/trái phiếu của dự án đầu tư vượt quá 500 tỷ VNĐ);

(e) Việc xác lập bất kỳ Biện pháp Bảo đảm quan trọng nào đối với tài sản của Công ty được sử dụng cho các dự án đầu tư theo quyết định và chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, và có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty nhưng vượt quá 500 tỷ VNĐ;

(f) Đề xuất chi trả cổ tức tạm thời và cổ tức cuối cùng bằng Cổ phần;

(g) Quyết định về việc phân bổ dự phòng lỗ giá trị tài sản;

(h) Phát hành trái phiếu (trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền) đối với các dự án đầu tư vượt quá 500 tỷ VNĐ đã được Hội đồng Quản trị quyết định thông qua hoặc cho các dự án đầu tư được quyết định và chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông;

(i) Các hợp đồng mua bán có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

(j) Mua lại dưới mười phần trăm (10%) tổng số Cổ phần đã phát hành thuộc mỗi loại;

(k) Kế hoạch kinh doanh hàng năm, với thông tin chi tiết về kế hoạch ngân sách dự phòng hàng năm cho năm tiếp theo, mà có liên quan đến các vấn đề được quy định tại Điều 19.3 và Điều 27.3 này; và

(l) Thay đổi đáng kể về chính sách cổ tức của Công ty.

27.4 Một Thành viên Hội đồng Quản trị không được phép bỏ phiếu tại cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc bỏ phiếu thông qua nghị quyết bằng văn bản của Các Thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận nào mà thành viên đó có hoặc có thể có lợi ích trong đó (dù là trực tiếp hoặc gián tiếp). Thành viên Hội đồng Quản trị đó phải công khai tính chất lợi ích của mình theo quy định của Điều lệ và có quyền hưởng lợi ích dưới bất kỳ hình thức nào bất kể việc điều đó sẽ hoặc có khả năng trái với nghĩa vụ theo luật định hoặc nghĩa vụ khác của Thành viên Hội đồng Quản trị đó để tránh xảy ra xung đột lợi ích, và không cần thêm chấp thuận nào khác liên quan đến bất kỳ lợi ích nào như vậy.

27.5 Một quyết định hoặc nghị quyết của Hội đồng Quản trị có giá trị và hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ngày được ghi cụ thể trong quyết định hoặc nghị quyết đó.

27.6 Các Thành viên Hội đồng Quản trị được quyền yêu cầu một cách hợp lý Tổng Giám đốc hoặc Người Quản lý của các bộ phận khác nhau trong Công ty cung cấp:

(a) Các thông tin và tài liệu chung hoặc cụ thể liên quan đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty mà Các Thành viên Hội đồng Quản trị xem là cần thiết hoặc muốn biết; và

(b) Quyền tiếp cận nhân sự, tài sản hoặc địa điểm, bất kỳ tài liệu, sổ sách hoặc hồ sơ nào của Công ty trong giờ làm việc thông thường.

Tổng Giám đốc hoặc Người Quản lý đó phải cung cấp thông tin hoặc quyền tiếp cận theo yêu cầu của Thành viên Hội đồng Quản trị trong thời gian sớm nhất có thể nhưng trong mọi trường hợp trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày yêu cầu.

27.7 Điều 26 và Điều 27 được áp dụng như nhau với những sửa đổi cần thiết đối với thể thức của các ban và tiểu ban trong Công ty, nếu có.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

28.1 Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán Trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là Các Thành viên Hội đồng Quản trị, và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm bằng một nghị quyết được thông qua hợp lệ.

28.2 Được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người Quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn cần thiết cho hoặc phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty. Người Quản lý phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

28.3 Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định, và hợp đồng lao động với những Người Quản lý khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

29.1 Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc. Hội đồng Quản trị có toàn quyền miễn nhiệm Tổng Giám đốc tại bất kỳ thời điểm nào.

29.2 Tổng Giám đốc quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị, và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ được giao.

29.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm. Tổng Giám đốc có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế bằng quyết định của Hội đồng Quản trị.

29.4 Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(a) Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

(b) Không phải là Người Có Quan hệ Gia đình với bất kỳ Người Quản lý nào hoặc Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty và công ty mẹ của Công ty; và

(c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong việc quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty.

29.5 Phụ thuộc vào Điều 29.6 cũng như thẩm quyền của (các) Phó Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng, Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

(a) Quyết dịnh các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;

(b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết và quyết định đã được Hội đồng Quản trị thông qua;

(c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty;

(d) Kiến nghị các kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm, phương án cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ của Công ty để Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt;

(e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Người Quản lý trong Công ty, trừ những người thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị;

(f) Quyết định mức lương và trợ cấp (nếu có) của nhân viên Công ty, là những người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

(g) Tuyển dụng người lao động;

(h) Đề xuất các phương án chi trả cổ tức và xử lý lỗ trong kinh doanh; và

(i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật Việt Nam, Điều lệ và quyết định của Hội đồng Quản trị.

29.6 Không phụ thuộc vào Điều 29.5, nếu bất kỳ quyền nào của Tổng Giám đốc mâu thuẫn, trái với hoặc không phù hợp với các quyền hoặc quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông, thì các quyền hoặc quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông được ưu tiên và sẽ được Công ty thông qua.

29.7 Tổng Giám đốc phải quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam, Điều lệ và, trong trường hợp áp dụng, hợp đồng ký với Công ty, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp Tổng Giám đốc quản lý Công ty vi phạm các quy định này gây thiệt hại cho Công ty, Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Ban Kiểm soát

30.1 Ban Kiểm soát gồm ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát là (05) năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế bằng quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp có Thành viên Ban Kiểm soát được bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát mới đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm.

Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu Thành viên Ban Kiểm soát.

30.2 Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng cấp cao hơn về một trong các chuyên ngành sau đây: kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc

một lĩnh vực chuyên môn liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

(a) Triệu tập các cuộc họp của Ban Kiểm soát;

(b) Yêu cầu Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người Quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

(c) Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, và trình các báo cáo đó lên Đại hội đồng Cổ đông.

30.3 Hơn một nửa số Thành viên Ban Kiểm soát phải thường trú tại Việt Nam. Nếu nhiệm kỳ của tất cả Thành viên Ban Kiểm soát cùng kết thúc vào một thời điểm và nếu chưa bầu Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới, thì Thành viên Ban Kiểm soát đã kết thúc nhiệm kỳ sẽ tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình cho đến khi Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản nhiệm vụ.

30.4 Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(a) Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

(b) Được đào tạo về một trong các chuyên ngành sau đây: kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc một lĩnh vực chuyên môn phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

(c) Không phải là Người Có Quan hệ Gia đình với bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị nào, Tổng Giám đốc hoặc Người Quản lý khác của Công ty và công ty mẹ của Công ty;

(d) Không phải là Người Quản lý của Công ty; và không cần thiết phải là Cổ đông hoặc nhân viên của Công ty;

(e) Không làm việc tại bộ phận kế toán và tài chính của Công ty;

(f) Không phải là thành viên hoặc nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liên tục trước khi được bầu; và

(g) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

30.5 Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau đây:

(a) Không còn đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 30.4;

(b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

(c) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.

30.6 Đại hội đồng Cổ đông bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau đây:

(a) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc công việc được giao;

(b) Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(c) Nhiều lần vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

(d) Các trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 31. Thẩm quyền và cuộc họp của Ban Kiểm soát

31.1 Ban Kiểm soát có các thẩm quyền sau đây:

(a) Giám sát công tác quản lý và điều hành Công ty của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc;

(b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cẩn trọng trong công tác điều hành và quản lý hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán thống kê và lập báo cáo tài chính;

(c) Xác minh tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cẩn trọng của các báo cáo hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính sáu tháng và hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng Quản trị, và trình báo cáo kiểm tra tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên;

(d) Rà soát các hợp đồng và giao dịch với Người Có Liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa

ra kiến nghị về các hợp đồng và giao dịch cần được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt;

(e) Rà soát, kiểm tra, đánh giá tác dụng và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống kiểm toán nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

(f) Kiểm tra sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty cũng như công tác quản lý và điều hành hoạt động của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào nếu cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của một Cổ đông Lớn;

(g) Nếu có yêu cầu của Cổ đông Lớn, Ban Kiểm soát phải tiến hành điều tra trong vòng bảy (07) Ngày Làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày hoàn tất quá trình điều tra, Ban Kiểm soát phải lập báo cáo về các vấn đề đã điều tra và gửi báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị và Cổ đông Lớn đưa ra yêu cầu;

Việc điều tra của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 31.1(g) này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quán trị và không làm gián đoạn công tác quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty;

(h) Đề xuất lên Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp điều chỉnh và cải thiện cơ cấu tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty;

(i) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm Pháp luật Việt Nam hoặc vi phạm Điều lệ này của Các Thành viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc, phải khẩn trương thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ từ khi xảy ra sự việc, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

(j) Tham dự và thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông, và các cuộc họp khác của Công ty;

(k) Sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;

(l) Đề xuất và kiến nghị tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty để Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

(m) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

(n) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, và Người Quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông;

(o) Báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

(p) Ban Kiểm soát có quyền tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông;

(q) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

31.2 Cuộc họp của Ban Kiểm soát

(a) Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tổ chức tối thiểu mỗi quý một (01) lần tại trụ sở của Công ty hoặc địa điểm khác theo quyết định của trưởng Ban Kiểm soát và được thông báo cho Thành viên Ban Kiểm soát. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành nếu có sự tham dự của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số Thành viên Ban Kiểm soát dù là trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền.

(b) Tại cuộc họp của Ban Kiểm soát:

(i) Một Thành viên Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Công ty cung cấp người phiên dịch và chi phí và phí tổn phát sinh liên quan đến người phiên dịch đó sẽ do Công ty chi trả hoặc tự mang theo người phiên dịch bằng chi phí của mình; và

(ii) Các tài liệu liên quan đến cuộc họp của Ban Kiểm soát, bao gồm nhưng không giới hạn ở chương trình họp, thông báo, giấy mời họp, các tài liệu khác được thảo luận tại cuộc họp, nghị quyết và biên bản cuộc họp phải kèm theo bản dịch tiếng Anh, chi phí và phí tổn phát sinh sẽ do Công ty chi trả.

31.3 Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí

ăn ở, đi lại và các chi phí hợp lý khác khi tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực hiện các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

Điều 32. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

32.1 Thành viên Ban Kiểm soát được cung cấp các tài liệu và thông tin sau đây vào cùng thời điểm và theo cùng cách thức như Các Thành viên Hội đồng Quản trị:

(a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo;

(b) Các nghị quyết, quyết định và biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị; và

(c) Các báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quán trị hoặc các tài liệu khác do Công ty ban hành.

32.2 Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các hồ sơ và tài liệu của Công ty được lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty và các địa điểm khác và có quyền tới tất cả các địa điểm nơi Người Quản lý và các nhân viên của Công ty làm việc.

32.3 Hội đồng Quản trị và Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người Quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 33. Nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát

33.1 Trong phạm vi quy định của Pháp luật Việt Nam, Thành viên Ban Kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:

(a) Tuân thủ quy định của Pháp luật Việt Nam, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp khi thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

(b) Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

(c) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng và tối ưu nhằm bảo đảm tối đa quyền lợi hợp pháp của Công ty và Cổ đông của Công ty;

(d) Trung thành với lợi ích của Công ty và các Cổ đông; không lạm dụng chức vụ và quyền hạn của mình và không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh và các tài sản khác của Công ty để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của các tổ chức hoặc cá nhân khác; và

(e) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

33.2 Trường hợp vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều 33.1 gây tổn thất cho Công ty hoặc các chủ thể khác, trong phạm vi quy định của Pháp luật Việt Nam, Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường các tổn thất đó. Toàn bộ thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được từ việc vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều 33.1 sẽ thuộc về Công ty.

33.3 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm của Thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, vi phạm đó phải được thông báo bằng văn bản cho Ban Kiểm soát, yêu cầu Thành viên Ban Kiểm soát có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

X. TRÁCH NHIỆM CẨN TRỌNG VÀ TRUNG THỰC CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người Quản lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, theo phương thức được xem là vì lợi ích tốt nhất của Công ty, và với mức độ cẩn trọng mà một người cẩn trọng phải có nhằm đáp ứng yêu cầu của vai trò tương ứng trong các tình huống tương tự.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột lợi ích

35.1 Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người Quản lý phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Pháp luật Việt Nam.

35.2 Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người Quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những

thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của các chủ thể khác.

35.3 Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người Quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

35.4 Trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người Quản lý nào khác hoặc Người Có Liên quan của các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty và tổ chức liên quan đến các thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, công ty mẹ – công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

35.5 Trong phạm vi quy định của Pháp luật Việt Nam, các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty và bất kỳ chủ thể nào sau đây phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định tại Điều 35.6 dưới đây:

(a) Một Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số Cổ phần phổ thông đang lưu hành của Công ty và Người Có Liên quan của họ;

(b) Một Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người Có Liên quan của họ;

(c) Bất kỳ công ty nào trong đó một Thành viên Hội đồng Quản trị, một Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc người quán lý khác sở hữu phần vốn góp/cổ phần; hoặc công ty trong đó Người Có Liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc người quản lý khác đó cùng nhau hoặc riêng rẽ sở hữu mười phần trăm (10%) vốn điều lệ trở lên,

mỗi giao dịch như vậy được gọi là một "**Giao dịch với Bên Có Liên quan**".

35.6 Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông, tùy từng trường hợp, sẽ chấp thuận Giao dịch với Bên Có Liên quan theo quy định tại Điều 19.3(b) và Điều 27.3(c) của Điều lệ này.

Điều 36. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại

36.1 Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người Quản lý vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng hoặc không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn, phải chịu trách nhiệm về tổn thất và thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

36.2 Công ty bồi thường cho các Chủ thể đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu chủ thể đó đã hoặc đang là Thành viên Hội đồng Quản trị, Người Quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty, hoặc chủ thể đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người Quản lý khác, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty, với điều kiện là chủ thể đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích tốt nhất của Công ty hoặc không mâu thuẫn với lợi ích tốt nhất của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng chủ thể đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

36.3 Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc Người Quản lý khác, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau đây:

(a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng và mẫn cán vì lợi ích của Công ty và không mâu thuẫn với lợi ích tốt nhất của Công ty; hoặc

(b) Tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

36.4 Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho các chủ thể này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

37.1 Cổ đông Lớn có quyền trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách Cổ đông và biên bản các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đưa ra phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

37.2 Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người Quản lý khác có quyền kiểm tra Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình, với điều kiện là các thông tin này phải được bảo mật.

37.3 Công ty phải lưu Điều lệ này, và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, GCNĐKDN của Công ty, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

37.4 Ngoài các quy định trên đây, Công ty phải cung cấp cho Cổ đông Lớn các tài liệu sau đây kèm theo bản dịch tiếng Anh của các tài liệu đó, chi phí và phí tổn phát sinh sẽ do Công ty chi trả:

(a) Các bản sao báo cáo tài chính hoàn chỉnh của Công ty (bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và các báo cáo thường niên) đã được kiểm toán hợp lệ và có chứng thực của tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện trình bày chính xác, phù hợp với các chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung, điều kiện tài chính của Công ty, không muộn hơn chín mươi (90) ngày kể từ thời điểm kết thúc mỗi Năm Tài chính;

(b) Các bản sao báo cáo quản lý của Công ty trong thời hạn mười (10) Ngày Làm việc hoặc hai mươi (20) ngày dương lịch kể từ thời điểm kết thúc mỗi tháng, tùy thuộc thời điểm nào đến trước; và

(c) Các thông tin khác liên quan đến Công ty mà một Cổ đông có thể yêu cầu vào từng thời điểm, hành động một cách hợp lý.

37.5 Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

37.6 Công ty bảo đảm rằng các thông tin và tài liệu được cung cấp theo Điều 37 này được thể hiện bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, và Công ty sẽ nỗ lực tối đa để dịch các thông tin và tài liệu không phải bằng tiếng Anh, chi phí và phí tốn phát sinh sẽ do Công ty chi trả.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và Công đoàn

38.1 Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, các thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và Pháp luật Việt Nam hiện hành.

38.2 Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ giữa Công ty và các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, các thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và Pháp luật Việt Nam hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39. Cổ tức

39.1 Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của Pháp luật Việt Nam, cổ tức được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không vượt quá mức cổ tức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi tham khảo ý kiến của Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Việc phân phối lợi nhuận cho Cổ đông của Công ty được thực hiện phù hợp với Tỷ lệ Sở hữu Cổ phần Tương ứng của Cổ đông.

39.2 Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại Cổ phần.

39.3 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị chi trả cổ tức giữa kỳ khi việc chi trả cổ tức như vậy được xem là phù hợp với tình hình lợi nhuận của Công ty.

39.4 Trường hợp cổ tức hoặc những khoản tiền khác liên quan tới một loại Cổ phần được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả trực tiếp bằng tiền đồng Việt Nam cho Cổ đông, thông qua việc chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông, hoặc thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

39.5 Cổ tức chi trả cho Cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty sẽ tối đa hóa việc phân phối lợi nhuận và thực hiện phân phối lợi nhuận bằng cách phân chia cổ tức của bất kỳ và toàn bộ lợi nhuận của Công ty phát sinh đến thời điểm phân chia của mỗi Năm Tài chính khi thỏa mãn các điều kiện sau đây:

(a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật Việt Nam; và

(b) Công ty đã trích lập các quỹ Công ty theo quy định tại Điều 40 và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật Việt Nam; và

(c) Sau khi chi trả cổ tức, Công ty vẫn có khả năng trả các khoản nợ và hoàn thành các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn thanh toán.

39.6 Việc phân chia cổ tức đối với bất kỳ Năm Tài chính nào phải được thực hiện trong vòng sáu (06) tháng sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Năm Tài chính sau đó.

39.7 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Điều 40. Trích lập quỹ

Phụ thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty, Hội đồng Quản trị sẽ đề xuất và Đại hội đồng Cổ đông sẽ phê duyệt việc trích lập các quỹ Công ty vào từng thời điểm phù hợp với các quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

41.1 Công ty mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

41.2 Trong trường hợp cần thiết và theo sự chấp thuận trước của Cơ quan Nhà nước, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

41.3 Công ty tiến hành việc thanh toán và các giao dịch kế toán thông qua tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Năm tài chính

Năm tài chính ("**Năm Tài chính**") của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.

Điều 43. Chế độ kế toán

43.1 Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

43.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt kèm theo bản dịch tiếng Anh. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 44. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý

44.1 Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật Việt Nam, và báo cáo đó phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ thời điểm kết thúc mỗi Năm Tài chính (trừ trường hợp được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn), trong phạm vi quy định của Pháp luật Việt Nam, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua cho cơ quan có thẩm quyền bao gồm, nhưng không giới hạn ở, cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

44.2 Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong Năm Tài chính liên quan, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là công ty mẹ thì ngoài báo cáo tài chính hàng năm phải chuẩn bị thêm bảng cân đối kế toán hợp nhất về hoạt động của Công ty và các công ty con tại thời điểm kết thúc mỗi Năm Tài chính.

44.3 Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp các

báo cáo đó cho cơ quan có thẩm quyền bao gồm, nhưng không giới hạn ở, cơ quan thuế có liên quan.

44.4 Công ty phải công bố báo cáo tài chính hàng năm đã kiểm toán (bao gồm cả ý kiến của kiểm toán viên) và báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 45. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo quy định của Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 46. Công bố thông tin và thông báo công khai

46.1 Trong phạm vi quy định của Pháp luật Việt Nam, báo cáo tài chính hàng năm và các chứng từ khác sẽ được nộp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bao gồm, nhưng không giới hạn ở, cơ quan thuế có liên quan.

46.2 Công ty phải thông báo công khai và công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN

Điều 47. Kiểm toán

47.1 Đại hội đồng Cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành việc kiểm toán Công ty cho Năm Tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc Năm Tài chính.

47.2 Công ty kiểm toán độc lập sẽ, bằng chi phí của Công ty, kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm phản ánh thu nhập và chi tiêu của Công ty, lập và nộp báo cáo kiểm toán cho Hội đồng Quán trị trong vòng hai (02) tháng kể từ thời điểm kết thúc Năm Tài chính.

47.3 Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

47.4 Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà các Cổ đông được quyền nhận, và

được phát biểu ý kiến về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 48. Con dấu

48.1 Hội đồng Quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu đó phải được khắc theo quy định của Pháp luật Việt Nam và Điều lệ này.

48.2 Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

48.3 Công ty sẽ lưu giữ và bảo quản con dấu tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa điểm khác được Pháp luật Việt Nam cho phép. Thiết kế và nội dung con dấu tuân thủ Pháp luật Việt Nam.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

49.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

(a) Công ty bị tòa án tuyên phá sản theo quy định của Pháp luật Việt Nam;

(b) Đại hội đồng Cổ đông quyết định giải thể trước thời hạn;

(c) Công ty không có đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong sáu (06) tháng liên tục và không thực hiện thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

(d) GCNĐKDN của Công ty bị thu hồi, trừ khi Luật Quản lý Thuế có quy định khác; hoặc

(e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

49.2 Việc Công ty giải thể trước thời hạn (bao gồm cả thời hạn gia hạn) do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể phải được báo cáo cho, hoặc phải được cơ quan có thẩm quyền theo quy định chấp thuận (nếu Pháp luật Việt Nam có yêu cầu).

49.3 Công ty chỉ được phép giải thể khi bảo đảm rằng Công ty sẽ trả tất cả các khoản nợ và hoàn thành các nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh

chấp tại tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Công ty và Người Quản lý liên quan được quy định tại Điều 49.1(d) chịu trách nhiệm liên đới về các khoản nợ của Công ty.

Điều 50. Thanh lý

50.1 Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm thanh lý Công ty. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

50.2 Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

(a) Các chi phí thanh lý;

(b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

(c) Nợ thuế;

(d) Các khoản nợ khác của Công ty;

(f) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các Cổ đông.

XIX. THÔNG BÁO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Thông báo

Tất cả các thông báo, yêu cầu, chấp thuận hoặc trao đổi liên lạc khác theo Điều lệ này ("**Thông báo**") phải được lập thành văn bản bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

52.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hoặc khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty hoặc các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của Pháp luật, Điều lệ này hoặc các quy chế (được gọi là "**Tranh chấp**") giữa:

(a) Một Cổ đông và Công ty;

(b) Một Cổ đông và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc Người Quản lý khác,

các bên liên quan (được gọi chung là "**Các Bên Tranh chấp**" và gọi riêng là "**Bên Tranh chấp**") sẽ nỗ lực để giải quyết Tranh chấp đó thông qua thương lượng, hòa giải. Trừ trường hợp Tranh chấp liên quan đến Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết Tranh chấp đó và yêu cầu từng Bên Tranh chấp cung cấp thông tin về Tranh chấp trong vòng ba mươi (30) Ngày Làm việc kể từ ngày phát sinh Tranh chấp. Nếu Tranh chấp liên quan đến Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất kỳ Bên Tranh chấp nào cũng có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định chuyên gia độc lập làm người hòa giải trong quá trình giải quyết Tranh chấp đó.

52.2 Mọi Tranh chấp không giải quyết được trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu Các Bên Tranh chấp không chấp nhận quyết định của người hòa giải, Tranh chấp đó sẽ được đưa ra và giải quyết chung thẩm bởi trọng tài được tiến hành theo Quy tắc Tố tụng Trọng tài hiện hành ("**Quy tắc Trọng tài**") của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ("**VIAC**") có hiệu lực tại thời điểm đệ trình tranh chấp lên cơ quan trọng tài. Số lượng trọng tài viên là ba (03) người, một (01) trọng tài viên được đề cử bởi (các) nguyên đơn, một (01) trọng tài viên được đề cử bởi (các) bị đơn, và trọng tài viên thứ ba, người đóng vai trò chủ tọa, sẽ được đề cử bởi hai (02) trọng tài viên được Các Bên đề cử, với điều kiện là nếu trọng tài viên thứ ba không được đề cử trong vòng mười (10) Ngày Làm việc kể từ khi đề cử trọng tài viên thứ hai, thì trọng tài viên thứ ba đó sẽ được chủ tịch VIAC chỉ định. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là tại Hà Nội, Việt Nam, và ngôn ngữ trong thủ tục trọng tài là tiếng Việt, trường hợp nếu một Bên Tranh chấp là cổ đông nước ngoài thì ngôn ngữ trong thủ tục trọng tài là tiếng Anh.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

53.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định.

53.2 Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật Việt Nam khác với nội dung của Điều lệ này, thì những quy định đó của Pháp luật Việt Nam đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày Hiệu lực

54.1 Điều lệ này có hiệu lực vào ngày được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ("**Ngày Hiệu lực**") và sẽ thay thế bản Điều lệ ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Công ty và các sửa đổi, bổ sung của bản Điều lệ đó kể từ Ngày Hiệu lực.

54.2 Điều lệ này được ký thành 06 bản gốc bằng tiếng Việt và 06 bán gốc bằng tiếng Anh. Các bản bằng cả hai ngôn ngữ có hiệu lực pháp lý như nhau trong phạm vi cho phép của Pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, nếu có bất kỳ sự không thống nhất nào giữa hai bản thì bản tiếng Việt sẽ được sử dụng để giải thích Điều lệ này.

54.3 Điều lệ này là Điều lệ chính thức và duy nhất của Công ty.

ĐỂ LÀM BẰNG, Điều lệ này đã được ký bởi Người Đại diện Theo Pháp luật của Công ty.

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận

PHỤ LỤC 1
Quy chế tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và cuộc họp Hội đồng Quản trị trực tuyến

1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty theo hình thức trực tuyến. Đối với các vấn đề không được quy định tại Hướng dẫn này, thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được áp dụng.

2. Định nghĩa và giải thích

Trừ khi được định nghĩa khác đi tại Hướng dẫn này, tất cả các thuật ngữ viết hoa sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến

3.1. Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có quyền quyết định tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo hình thức trực tuyến hoặc theo hình thức trực tuyến kết hợp với hình thức trực tiếp. Dựa trên Hướng dẫn này, Hội đồng Quản trị có thể ban hành quy chế tổ chức chi tiết đối với từng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông vào tùy từng thời điểm.

3.2. Việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông theo hình thức trực tuyến sẽ được thực hiện trên phần mềm hoặc hệ thống phần mềm (**"Hệ thống"**) do Hội đồng Quản trị quyết định vào từng thời điểm. Thông tin cụ thể về Hệ thống và cách thức truy cập vào Hệ thống sẽ được thông báo đến Cổ đông bằng một thông báo đính kèm thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.

4. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến

4.1. Tất cả các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông theo danh sách do người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lập đều có quyền đăng ký tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông theo hình thức trực tuyến theo quy định tại Hướng dẫn này.

4.2. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến:

(a) Cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến bằng cách truy cập vào Hệ thống theo hướng dẫn tại thông báo đính kèm thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông và điền các thông tin của Cổ đông (bao gồm thông tin nhận diện của Cổ đông, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, và các

thông tin khác) như đã được đăng ký với Công ty trước ngày lập danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.

(b) Sau khi đăng ký thành công, Hệ thống sẽ gửi đến số điện thoại và/hoặc địa chỉ thư điện tử của Cổ đông thông tin đăng nhập vào Hệ thống để tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến (**"Thông tin Đăng nhập"**). Thông tin Đăng nhập này sẽ chỉ có giá trị đến khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

(c) Cổ đông chịu trách nhiệm bảo mật Thông tin Đăng nhập đã nhận được. Công ty không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc Thông tin Đăng nhập bị tiết lộ hoặc cung cấp cho bên thứ ba mà không phải do lỗi của Công ty.

(d) Trường hợp Cổ đông bị mất Thông tin Đăng nhập, Cổ đông có thể yêu cầu Công ty cấp lại Thông tin Đăng nhập theo hướng dẫn trên Hệ thống.

(e) Trường hợp Cổ đông chưa đăng ký thông tin về số điện thoại và/hoặc địa chỉ thư điện tử với Công ty hoặc sử dụng số điện thoại và/hoặc địa chỉ thư điện tử khác với số điện thoại và/hoặc địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với Công ty trước ngày lập danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông, thì Cổ đông sẽ không thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến nhưng vẫn có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tiếp.

4.3. Tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến:

(a) Cổ đông đăng nhập vào Hệ thống bằng Thông tin Đăng nhập để tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến.

(b) Hệ thống sẽ được mở và bắt đầu ghi nhận việc Cổ đông đăng nhập tham gia họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến trước thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp mười lăm (15) phút hoặc một khoảng thời gian khác nêu tại thông báo đính kèm thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.

(c) Khi đăng nhập thành công vào Hệ thống, Cổ đông sẽ được coi là hoàn tất thủ tục đăng ký Cổ đông theo Điều 18.1 của Điều lệ Công ty.

(d) Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến có thể phát biểu và nêu ý kiến trong cuộc họp thông qua các tiện ích mà Hệ thống cung cấp.

4.4. Trường hợp việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến bị mất kết nối do lỗi đường truyền, lỗi mạng từ phía Công ty, Chủ tọa cuộc họp sẽ tiến hành tạm hoãn việc họp Đại hội đồng Cổ đông để khắc phục trong khoảng thời gian sớm nhất. Công ty không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc Cổ đông bị mất kết nối do lỗi đường truyền, lỗi mạng từ phía Cổ đông.

5. Biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến

5.1. Cổ đông đã đăng nhập tham gia họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến thành công theo Điều 4.3(c) của Hướng dẫn này phải thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống. Hướng dẫn chi tiết về việc biểu quyết trên Hệ thống sẽ được gửi trong Thông báo đính kèm Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.

5.2. Hệ thống sẽ ghi nhận kết quả biểu quyết của Cổ đông đối với từng nội dung được thảo luận tại cuộc họp vào thời điểm kết thúc biểu quyết đối với từng nội dung đó. Cổ đông phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả biểu quyết khi đã đăng ký tham dự họp và biểu quyết theo quy định của Hướng dẫn này.

5.3. Trường hợp Cổ đông không thực hiện biểu quyết trên Hệ thống trước thời điểm kết thúc biểu quyết đối với một nội dung, dù là vì bất kỳ lý do gì, thì Hệ thống sẽ ghi nhận kết quả biểu quyết của Cổ đông đối với nội dung liên quan là không có ý kiến.

6. Cuộc họp Hội đồng Quản trị trực tuyến

Các Điều 3, 4, 5 của Quy chế này sẽ áp dụng tương tự với những sửa đổi cần thiết liên quan đến việc tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng Quản trị trực tuyến.